

TÌM KIẾM ĐIỂM CỐT LÕI: BÌNH ĐẲNG GIỚI- ĐIỀU GÌ THỰC SỰ QUAN TRỌNG VÀ LÀ ĐIỂM CỐT LÕI TRONG CUỘC TRANH LUẬN VỀ CHỦ ĐỀ NÀY THEO KINH THÁNH

Tác giả: Andrew Bartlett

Cuộc tranh luận học thuật này rất rộng lớn và có thể khá khó theo dõi, nhưng có một số điểm cốt lõi, mang tính quyết định. Trong những phân đoạn then chốt, cách giải thích của quan điểm bổ sung (*complementarian*) đã đi lệch khỏi Kinh Thánh hoặc thêm vào Kinh Thánh những điều thực ra không được chép ở đó.

GIỚI THIỆU

Cuộc tranh luận giữa quan điểm bổ sung (*complementarian*) và quan điểm bình đẳng (*egalitarian*) là một tập hợp phức tạp và vô số ý kiến trái chiều về điều Kinh Thánh dạy liên quan đến nam giới và nữ giới.

Điều đó bao gồm những cách hiểu khác nhau về ý nghĩa của các từ ngữ và phân đoạn Kinh Thánh, cũng như những cách nhìn khác nhau về bối cảnh lịch sử và văn hóa đằng sau những điều Kinh Thánh chép.

Sách chuyên khảo nền tảng của quan điểm bổ sung, *Recovering Biblical Manhood and Womanhood* (Khôi phục bản tính Nam và Nữ theo Kinh Thánh), do John Piper và Wayne Grudem biên tập, dài 684 trang (ấn bản in năm 2021). Cuốn sách lớn của Grudem, *Evangelical Feminism and Biblical Truth* (Chủ nghĩa nữ quyền Tin Lành và Sự thật Kinh Thánh), dài 856 trang. Loạt video gần đây của Mike Winger về *Phụ nữ trong chức vụ* kéo dài 43 giờ.

Ở phía quan điểm bình đẳng, hay quan điểm tương hỗ (*mutualist*), trong cuộc tranh luận này, cuốn *Man and Woman, One in Christ* (Nam và Nữ, Một trong Đấng Christ) của Phil Payne—chỉ tập trung vào các thư tín của Phao-lô—dài hơn 500 trang. Ấn bản thứ ba của *Discovering Biblical Equality* (Khám phá sự bình đẳng theo Kinh Thánh), do Ron Pierce, Cynthia Westfall và Christa McKirland biên tập, dài 698 trang.

Ngoài ra còn rất nhiều sách khác ở cả hai phía của cuộc tranh luận—phần lớn dài từ 200 đến 400 trang.

Cuốn sách mới của tôi, *True Complementarity: The Way of Christ for Men and Women* (Sự bổ sung chân thật: Con đường của Đấng Christ dành cho nam và nữ - dự kiến xuất bản tháng 10 năm 2026), trình bày và đối thoại với tất cả các lập luận khác nhau, nên có độ dài tương đương với cuốn sách lớn của Grudem.

Nếu bạn có thời gian và được Chúa kêu gọi để nghiên cứu, cân nhắc và phân định tất cả những tài liệu này, thì thật tốt. Nhưng nếu không thì sao? Còn người tín hữu trung tín vốn

đã có quá nhiều điều phải lo toan trong cuộc sống thì sao? Còn vị mục sư vốn đã quá bận rộn và luôn phải chạy đua để theo kịp mọi việc thì sao?

Mục đích của bài viết này là chọn ra từ toàn bộ cuộc tranh luận những điểm cốt yếu và những điểm quan trọng nhất.

Những điểm cốt yếu là những điểm rõ ràng nhất dẫn đến lập trường tương hỗ. Sau đó, trong số những điểm cốt yếu ấy, tôi sẽ chọn ra hai điểm quan trọng nhất. Đây là hai điểm trung tâm mà tôi tin rằng, chỉ riêng chúng thôi, cũng đủ làm sụp đổ lập trường bổ sung. Nếu bạn chỉ có một phút để giải thích tại sao những người theo quan điểm tương hỗ bác bỏ lập trường bổ sung, thì đây là hai điểm bạn nên nêu ra.

Ghi chú thuật ngữ: Trong bản dịch này, “complementarian” được dịch là “quan điểm bổ sung” và “egalitarian” là “quan điểm bình đẳng”; “mutualist” được dịch là “quan điểm tương hỗ”. Các thuật ngữ tiếng Anh được giữ lại ở lần xuất hiện đầu tiên để người đọc có thể đối chiếu với tài liệu gốc.

Các khách sạn gần sân bay thường cung cấp dịch vụ xe đưa đón miễn phí để đưa khách về khách sạn. Hy vọng của tôi qua bài viết này là có thể trở thành một “chuyến xe đưa đón” dành cho những anh chị em đang theo quan điểm bổ sung—một phương tiện giúp đưa họ đến một nơi tốt đẹp hơn, nơi bầu trời trên cao xanh dịu hơn và mặt đất dưới chân xanh tươi ngọt ngào hơn.

1. Trước hết, tôi sẽ trình bày cách tích cực về lập trường tương hỗ.
2. Thứ hai, tôi sẽ giải thích mười điểm cốt yếu cho thấy lập trường bổ sung đã rời khỏi điều Kinh Thánh chép như thế nào. Chúng ta sẽ lần lượt xem xét theo trật tự đại thể của quy điển Kinh Thánh—dù không hoàn toàn theo thứ tự—vì sẽ thuận tiện hơn khi phân biệt giữa hôn nhân và chức vụ. Đây sẽ là phần chính của bài viết.
3. Cuối cùng, chúng ta sẽ chọn ra hai điểm quan trọng nhất. Một điểm liên quan đến cách Phao-lô lựa chọn từ ngữ trong 1 Ti-mô-thê 2:12. Điểm còn lại liên quan đến sự vắng mặt trong Kinh Thánh của những chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời dành cho nam giới, yêu cầu họ phải làm điều mà những người theo quan điểm bổ sung cho rằng nam giới phải làm. Đến cuối bài viết, bạn sẽ thấy tại sao đây là hai điểm quan trọng nhất.

QUAN ĐIỂM TƯƠNG HỖ

Quan điểm tương hỗ về nam và nữ bắt đầu từ một điểm chung mà các học giả theo quan điểm bổ sung cũng đồng ý: bác bỏ quan điểm truyền thống từng chiếm đa số về phụ nữ.

Trong lịch sử, phụ nữ thường bị đặt dưới quyền của nam giới. Lý do chủ yếu được đưa ra cho sự lệ thuộc ấy là phụ nữ bị cho là thấp kém—bản tính của họ bị xem là thấp kém, nên địa vị của họ cũng phải thấp hơn. Vì bị cho là thấp kém về bản tính, phụ nữ phải phục tùng nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống—ngoài xã hội và đời sống công cộng, trong gia đình và trong Hội Thánh.

Việc hạ thấp trí tuệ và năng lực đạo đức của phụ nữ không phải là một quan điểm lập dị của một thiểu số. Đó từng là quan điểm phổ biến. Chúng ta có thể kể đến những tên tuổi lớn như Clement thành Alexandria, Augustine, Aquinas, Luther, Calvin, thậm chí cả Wesley.

Để minh họa, hãy nghe Richard Baxter, một nhà thần học Thanh giáo nổi tiếng, viết vào năm 1665. Ông khuyên nam giới trước khi kết hôn hãy cân nhắc xem họ sẽ cần bao nhiêu sự kiên nhẫn trước bản tính của phụ nữ:

“Sự yếu đuối tự nhiên của phái nữ đòi hỏi anh phải chuẩn bị một mức kiên nhẫn không nhỏ. Ngoài trừ một số rất ít phụ nữ có tính kiên nhẫn và cứng cỏi như nam giới, phụ nữ thường

có trí tưởng tượng mạnh, tâm tính nhạy cảm, dễ xúc động và thiếu kiên nhẫn; họ dễ nổi giận, ghen tuông hoặc bất mãn; trí hiểu lại yếu, nên không có khả năng tự sửa mình. Họ ở giữa một người đàn ông và một đứa trẻ: một số ít có nhiều nét của người đàn ông hơn, nhiều người có nhiều nét của trẻ con hơn; nhưng phần lớn ở trạng thái trung gian.” (Baxter, *A Christian Directory*, phần 2: *Christian Economics*, chương 1).

Quan điểm về phụ nữ như vậy không phải là một quan điểm cực đoan. Nó khá phổ biến.

Cả các học giả theo quan điểm tương hỗ lẫn quan điểm bổ sung đều đúng khi bác bỏ cách nhìn truyền thống này. Nó không xuất phát từ Lời Đức Chúa Trời, mà xuất phát từ triết học và văn hóa của con người.

Trong lịch sử Hội Thánh cũng có những người có tiếng nói và họ bất đồng với quan điểm đa số. Chẳng hạn, vào thế kỷ thứ tư, Basil đại đế khẳng định mạnh mẽ rằng phụ nữ bình đẳng với nam giới về bản chất đạo đức và trí tuệ (Basil, *On the Origin of Humanity*, bài giảng 1). Tuy nhiên, quan điểm cho rằng phụ nữ vốn thấp kém hơn nam giới vẫn tồn tại rất dai dẳng.

Sau nhiều thế kỷ tranh luận, đặc biệt từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX, đến cuối những năm 1980, quan điểm đa số trong Hội Thánh cuối cùng đã thay đổi. Người ta bắt đầu nhìn nhận sự bình đẳng thật sự về bản chất của phụ nữ với nam giới—về phương diện đạo đức và trí tuệ—như Kinh Thánh bày tỏ.

Chúa Giê-xu vẫn không ngừng thanh tẩy Hội Thánh của Ngài.

SÁNG THẾ KÝ

Nền tảng của cách nhìn đúng đắn hơn về phụ nữ là Sáng Thế Ký 1:26–28, nơi cả nam lẫn nữ đều được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời và cùng cai quản công cuộc sáng tạo của Ngài.

Sự bình đẳng của nam và nữ với tư cách những con người trọn vẹn được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời không có nghĩa là nam và nữ giống hệt nhau. Đức Chúa Trời dựng nên chúng ta là nam và nữ. Vì vậy, nam và nữ khác nhau. Họ thực sự bổ sung cho nhau.

Chính vì có những khác biệt giữa nam và nữ mà tôi dùng thuật ngữ “tương hỗ” (*mutualist*) thay vì “bình đẳng” (*egalitarian*). Đáng tiếc là một số người hiểu lầm từ “bình đẳng” như thể nó khẳng định sai rằng nam và nữ hoàn toàn giống nhau.

Chúng ta cần nhìn vấn đề này theo quan điểm của Kinh Thánh:

- Trước hết, chúng ta là con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời; việc là người nam hay người nữ là điều quan trọng nhưng cũng không ở vị trí ưu tiên số 1.

Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời cũng dựng nên các loài vật có con đực và con cái. Nhưng các loài vật không được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Hình ảnh Đức Chúa Trời không nằm trong sự khác biệt về giới tính, mà nằm trong bản chất con người của chúng ta.

Sau Sáng Thế Ký 1:28, nơi nam và nữ cùng cai quản, lần tiếp theo Kinh Thánh nói đến việc “cai trị” là ở đâu? Đó là Sáng Thế Ký 3:16, khi con người đã sa ngã và không vâng lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cảnh báo người nữ rằng kết quả của sự bất tuân sẽ là phải chịu người nam cai trị (*“người sẽ cai trị người”*).

Thực tế của đời sống cho thấy nam giới có sức mạnh cơ bắp lớn hơn phụ nữ và nam giới không sinh con. Vì vậy, khi con người chọn bắt tuân Đức Chúa Trời và đặt bản thân lên trước, nam giới thường đi đến chỗ cai trị phụ nữ. Đó là điều Sáng Thế Ký 3 mô tả.

Nhưng thiết kế ban đầu của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 1 không phải là nam giới cai trị phụ nữ, mà là nam và nữ cùng cai quản công cuộc sáng tạo.

CỰU ƯỚC NÓI CHUNG

Cựu Ước làm chứng rằng ở nơi Thánh Linh Đức Chúa Trời đang hành động, phụ nữ được kêu gọi tham gia vào sự lãnh đạo.

Chúng ta có thể nghĩ đến Mi-ri-am (Xuất Ê-díp-tô Ký 15; Dân Số Ký 12; 1 Sử Ký 6:3; Mi-chê 6:4), Huốt-đa (2 Các Vua 22; 2 Sử Ký 34), và đặc biệt là Đê-bô-ra (Các Quan Xét 4–5).

Trong Cựu Ước, trước thời kỳ các vua, chỉ có ba người lãnh đạo được Đức Chúa Trời chỉ định đồng thời đảm nhiệm các vai trò lãnh đạo toàn dân, tiên tri, quan xét tối cao và tổng tư lệnh: Môi-se, Sa-mu-ên và Đê-bô-ra.

Đức Chúa Trời không chống lại việc phụ nữ lãnh đạo. Bởi vì phụ nữ cũng được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, như nam giới.

CHÚA GIÊ-XU

Trong văn hóa Do Thái thế kỷ thứ nhất, cũng như ở nhiều nơi khác, phụ nữ bị xem là thấp kém hơn nam giới về đạo đức và trí tuệ. Nhưng Chúa Giê-xu không đối xử với phụ nữ như những con người hạng hai. Ngài tiếp nhận họ như những môn đồ trọn vẹn bên cạnh nam giới.

Trong các sách Phúc Âm, Chúa Giê-xu dạy các môn đồ cách sống. Trong sự dạy dỗ của Ngài, Ngài không phân biệt cách nam giới phải sống với cách phụ nữ phải sống.

Nhưng còn việc Ngài chọn mười hai sứ đồ—tất cả đều là nam giới thì sao?

Đó là một chiến lược mang tính đặc thù cho thời điểm ấy. Nó là một biểu tượng gọi nhớ đến mười hai tổ phụ. Vào thời Chúa Giê-xu, dân Y-sơ-ra-ên đã không còn có mười hai chi phái trong thực tế suốt hàng trăm năm. Việc Ngài quy tụ mười hai người nam quanh mình là một hành động biểu tượng cho thấy Ngài đang tái lập dân Y-sơ-ra-ên quanh chính mình.

Tính tạm thời của biểu tượng này được xác nhận trong Công Vụ 1, khi Phi-e-rơ hướng dẫn việc thay thế Giu-đa. Người thay thế phải là một người nam đã ở cùng nhóm môn đồ suốt thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ công khai (Công Vụ 1:21–22). Điều kiện này không thể lặp lại.

Có một đối trọng cân bằng trong Kinh Thánh với biểu tượng Mười Hai sứ đồ. Điều đó xuất hiện tại sự phục sinh của Chúa Giê-xu: Ngài đặc biệt chọn những người nữ làm những người đầu tiên làm chứng rằng Ngài đã sống lại từ kẻ chết. Chúng ta thấy điều này trong các tường thuật về sự phục sinh ở Ma-thi-ơ 28, Lu-ca 24 và Giăng 20. Hành động mang tính biểu tượng ấy cho thấy thảm họa của Sáng Thế Ký 3 đang được sửa lại. Aquinas đã nói: hi suy ngẫm về việc Ê-va xúi giục A-đam ăn trái cấm đã nói như sau:

“Cũng như một người nữ là người đầu tiên công bố lời sự chết, thì một người nữ cũng sẽ là người đầu tiên công bố lời sự sống.” (Aquinas, *Commentary on the Gospel of St John*, bài giảng 3 về Giăng 20).

1 CÔ-RINH-TÔ 7

Tiếp theo, chúng ta xem xét phân đoạn dài nhất trong Tân Ước nói về hôn nhân: 1 Cô-rinh-tô 7.

Đây là nơi duy nhất trong Kinh Thánh nói cách trực tiếp về quyền hạn trong hôn nhân và cách đưa ra quyết định trong hôn nhân.

Trong 1 Cô-rinh-tô 7, người chồng có quyền hạn mà người vợ không có không? Không. Họ là một thịt. Ở câu 4, Phao-lô dùng những từ ngữ hoàn toàn tương ứng để nói về quyền hạn của người chồng và quyền hạn của người vợ. Quyền hạn của họ là quyền hạn tương hỗ.

Trong 1 Cô-rinh-tô 7, người chồng có phải là người duy nhất ra quyết định không? Không. Ở câu 5, Phao-lô nói rằng những quyết định về việc tạm ngừng quan hệ vợ chồng để kiêng ăn cầu nguyện phải được đưa ra bằng sự đồng thuận của cả hai. Đó là tính tương hỗ trong hôn nhân.

Ê-PHÊ-SÔ 5 VÀ 1 PHI-E-RƠ 3

Trong Ê-phê-sô 5:21, Phao-lô kêu gọi tất cả tín hữu vâng phục lẫn nhau (*thuận phục nhau*), mỗi người hạ mình xuống và đặt người khác lên trên mình.

Một số người giải nghĩa đưa ra ngoại lệ cho người chồng trong mối quan hệ với vợ. Nhưng Phao-lô không đưa ra ngoại lệ như vậy. Không có ngoại lệ nào được nêu trong Lời Đức Chúa Trời.

Sau khi kêu gọi mọi tín hữu vâng phục lẫn nhau ở câu 21, tại sao Phao-lô lại tiếp tục nói ở các câu 22–24 rằng nhắc nhở người vợ phải vâng phục chồng? Có lẽ một số người vợ Cơ Đốc tại Ê-phê-sô nghĩ rằng sự bình đẳng mới tìm thấy của họ với chồng trong Đấng Christ cho họ lý do để không hạ mình và không tôn trọng chồng. Phao-lô nhắc họ hạ mình và tôn trọng chồng vì lòng kính sợ Đấng Christ.

Trong phân đoạn này, Phao-lô dùng hình ảnh “đầu” để giải thích người chồng nên đối xử với vợ như thế nào. Đây không phải là hình ảnh về quyền thống trị, mà là điều chúng ta có thể gọi là vai trò “cứu dưỡng/nuôi dưỡng” (xem 5:23). Ông suy nghĩ thế này: nếu cái đầu gắn liền với một thân thể thì cái đầu làm gì? Nó nuôi dưỡng và chăm sóc thân thể.

Hình ảnh đầu và thân thể của ông dựa trên một quan niệm quen thuộc rằng cái đầu nuôi dưỡng thân thể. Như Đấng Christ dùng tình yêu hy sinh chính mình để nuôi dưỡng Dân Ngài—là những người được liên kết với Ngài, thì người chồng cũng được kêu gọi yêu thương vợ bằng tình yêu hy sinh, nuôi dưỡng và chăm sóc vợ mình—là người mà ông được kết hợp thành một thịt (5:25–33a).

Tôi nghĩ ở đây Phao-lô đang áp dụng nguyên tắc mà Chúa Giê-xu đã dạy:

“Ai đã được ban cho nhiều thì sẽ bị đòi lại nhiều; và ai đã được giao cho nhiều thì sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn.” (Lu-ca 12:48).

Nam giới có sức mạnh thể chất lớn hơn và có những lợi thế xã hội. Vì vậy, họ mang trách nhiệm lớn hơn trong việc yêu thương và phục vụ vợ bằng tinh thần hy sinh. Đó là ý nghĩa của vai trò “đầu”.

Sự dạy dỗ của Phi-e-rơ hoàn toàn nhất quán với Phao-lô. Trong 1 Phi-e-rơ 3, Phi-e-rơ dạy người chồng phải sống với vợ cách khiêm nhường, hiểu biết và tôn trọng vợ như người cùng hưởng ân điển sự sống.

CHỨC VỤ CỦA PHỤ NỮ TRONG TÂN ƯỚC

Khi đọc kỹ tường thuật về việc Đức Thánh Linh được đổ xuống trong ngày Lễ Ngũ Tuần, chúng ta có thể thấy kết quả của công việc Thánh Linh: phụ nữ công khai công bố những việc lớn lao của Đức Chúa Trời, cùng với nam giới, trước một thánh giả gồm cả nam lẫn nữ (Công Vụ 1:14; 2:1–18). Phi-e-rơ giải thích điều đang xảy ra bằng cách trích lời tiên tri Giê-rê-mi: “*các con gái các người sẽ nói tiên tri*” (Công Vụ 2:17).

Như vậy, giống như trong Cựu Ước, nhưng còn rõ ràng hơn nữa, chính Đức Chúa Trời thúc giục phụ nữ thi hành chức vụ công khai cho cả nam và nữ.

Trong sách Công Vụ, sau Lễ Ngũ Tuần, phụ nữ tích cực tham gia vào việc truyền bá sứ điệp về Chúa Giê-xu (Công Vụ 8:1–4; 18:18–26; đối chiếu từ “mọi người/tín hữu” trong Công Vụ 11:20).

Trong các thư tín, cả sứ đồ Phi-e-rơ và sứ đồ Phao-lô đều dạy rằng chức vụ dựa trên sự ban cho của Đức Thánh Linh (ân tứ thuộc linh). Trong 1 Cô-rinh-tô 12, Phao-lô nói với các tín hữu tại Cô-rinh-tô—cả nam lẫn nữ—hãy hết lòng khao khát những ân tứ lớn hơn như sứ đồ, tiên tri và thầy giáo (giáo sư).

Không có dấu hiệu nào trong các phân đoạn dạy về ân tứ thuộc linh cho thấy Đức Chúa Trời chỉ ban ân tứ lãnh đạo hay giảng dạy cho nam giới (Rô-ma 12:3–8; 1 Cô-rinh-tô 12:1–30; Ê-phê-sô 4:11–13; 1 Phi-e-rơ 4:10–11). Một sự hạn chế như vậy sẽ rất bất ngờ, xét theo Ga-la-ti 3:28:

“Tại đây không còn chia ra người Giu-đa hoặc người Gô-réc, không còn người tôi tớ hoặc người tự chủ, không còn đàn ông hoặc đàn bà; vì anh em thấy đều làm một trong Đức Chúa Jê-sus-Christ.”

Những phụ nữ được ban ân tứ trong Tân Ước gồm các nữ tiên tri như bốn con gái của Phi-líp (Công Vụ 21:9), nữ chấp sự Phê-bê (Rô-ma 16:1–2), những người nữ dạy dỗ như Ma-ri và Bê-rít-xin (Pơ-đi-si-la), cùng nữ sứ đồ tiên phong Giu-nia (Công Vụ 18; Rô-ma 16:3–4, 6–7; Chrysostom, *Bài giảng 31 về Rô-ma*).

Trong 1 Cô-rinh-tô 11, chúng ta thấy phụ nữ và nam giới cùng tham gia vào việc lãnh đạo bằng lời nói trong các Hội Thánh địa phương, qua việc nói tiên tri và dẫn dắt trong sự cầu nguyện. Tương tự, trong 1 Cô-rinh-tô 14:26, Phao-lô nói rằng “*mỗi người*” đều có một phần đóng góp bằng lời nói dưới hình thức này hay hình thức khác, kể cả sự dạy dỗ.

Đó là tính tương hỗ trong chức vụ.

KHẢI HUYỀN

Quan điểm tương hỗ về nam và nữ như những người cùng lãnh đạo, cùng cai quản hướng đến khái tượng lớn trong Khải Huyền 5.

Khải tượng của Giăng mô tả kết quả công việc vĩ đại của Chúa Giê-xu, Chiên Con, Đấng đã dùng huyết mình chuộc lấy những người thuộc mọi bộ tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia:

“Ngài đã làm cho những người ấy lập thành một nước, và làm thấy tể lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; và những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất.” (Khải Huyền 5:10)

Điều đó cuối cùng hoàn tất mục đích của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại: nam và nữ cùng cai quản, như chúng ta đã thấy trong Sáng Thế Ký 1. Đây là khái tượng về tất cả

những con người trung tín với tư cách thầy tế lễ của Đức Chúa Trời, thay mặt Ngài thực thi quyền cai trị trên đất—không chỉ riêng nam giới.

Đó là lập luận tích cực: sự tương hỗ trong hôn nhân, sự tương hỗ trong chức vụ, nam và nữ cùng nhau làm đại diện của Đức Chúa Trời.

MƯỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC QUAN ĐIỂM BỔ SUNG

Nói cho rõ, tôi không nghi ngờ sự chân thành trong đức tin của các anh chị em theo quan điểm bổ sung. Điều tôi đang thách thức là độ chính xác của nó với tư cách là một sự phản ánh trung thực những gì Kinh Thánh thực sự phán dạy.

Những nhà giáo theo quan điểm bổ sung đồng ý với những người theo lập trường tương hỗ rằng phụ nữ là con người được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời, giống như nam giới. Tuy nhiên, họ lại cho rằng nam giới nên nhân từ nhân ái cai trị phụ nữ, hoặc nên lãnh đạo phụ nữ, hoặc nên thực thi quyền hạn trên phụ nữ, hoặc nên đưa ra quyết định thay cho phụ nữ.

Họ không còn dựa vào lý do truyền thống cốt yếu trước đây dành cho sự lãnh đạo của nam giới nữa. Họ không còn nói do phụ nữ bị thấp kém về bản tính. Tuy nhiên, họ lại cho rằng Đức Chúa Trời đã phân chia các “vai trò” (*roles*) khác nhau cho nam và nữ—trong hôn nhân, trong Hội Thánh và có thể cả ngoài xã hội.

Chúng ta sẽ đi qua mười điểm so sánh giữa quan điểm bổ sung và những gì Kinh Thánh phán.

Nhưng trước khi làm điều đó, hãy chú ý rằng từ “vai trò” (*role*) hoàn toàn không xuất hiện trong Kinh Thánh.

Khi quan điểm đa số mang tính truyền thống của Hội Thánh về phụ nữ bị nhận ra là sai, những người theo quan điểm bổ sung đã nghĩ ra một lời bào chữa mới để đặt phụ nữ dưới sự lãnh đạo của nam giới, bằng cách dùng thuật ngữ xã hội học là “vai trò”.

Ý tưởng về “vai trò” của nam và nữ là một phát minh của thế kỷ thứ hai mươi. Bạn sẽ không tìm thấy bất kỳ sự đề cập nào về nó trong các sách giải nghĩa Kinh Thánh từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ XIX. Nhưng trong bản in năm 1991 của sách *Recovering Biblical Manhood and Womanhood*, thuật ngữ “vai trò” (*role*) được sử dụng hơn 700 lần.

Vì Đức Chúa Trời đã ban cho phụ nữ cùng những phẩm chất đạo đức và trí tuệ như nam giới, đồng thời ban các ân tứ lãnh đạo cho phụ nữ, nên dường như không có một lý do thuyết phục nào cho việc phân chia “vai trò” giả định ấy, nhưng đó lại là điều họ giảng dạy.

1) Sáng Thế Ký 2 và 3

Theo các học giả quan điểm bổ sung, Sáng Thế Ký chương 2 và 3 cho thấy Đức Chúa Trời đã chỉ định nam giới lãnh đạo nhân từ đối với phụ nữ hoặc vợ của họ. Họ tuyên bố tìm thấy những “gợi ý” (*hints*) về sự lãnh đạo của nam giới trong các chương đó.

Đọc qua các tài liệu, tôi tìm thấy 13 điểm mà nhiều học giả cho là những gợi ý về sự lãnh đạo của nam giới trong hai chương này.

Xin đưa ra một ví dụ: người nữ được Đức Chúa Trời dựng nên làm “người giúp đỡ” (*helper*) cho người nam. Điều này được cho là một gợi ý ám chỉ sự lãnh đạo của người nam.

Nếu Sáng Thế Ký ban đầu được viết bằng tiếng Anh hay tiếng Việt, chúng ta có thể thấy một sự hàm ý ở đó, vì chúng ta thường dùng từ “người giúp đỡ” để chỉ một trợ lý cấp dưới.

Nhưng sách Sáng Thế Ký được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Từ dành cho “người giúp đỡ” là *ezer*. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, Đức Chúa Trời thường được gọi là *ezer* của Y-sơ-ra-ên. Nhưng đó đâu phải là một gợi ý cho thấy Đức Chúa Trời chỉ định Y-sơ-ra-ên làm người lãnh đạo của Đức Chúa Trời! Sự hàm ý suy đoán từ từ *ezer* hoàn toàn không tồn tại trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ.

Chúng ta có thể điểm qua tất cả 13 gợi ý suy đoán đó để thấy tại sao chúng có vấn đề. Nhưng điểm mấu chốt lại nằm ở một điều khác, đơn giản hơn nhiều.

Điểm mấu chốt là: Những gợi ý suy đoán là không đủ.

Nếu ai đó nói rằng nam giới có nghĩa vụ do Đức Chúa Trời ban cho là phải lãnh đạo phụ nữ, thì chúng ta có quyền hỏi: Điều đó được truyền lệnh cho nam giới ở đâu? Chỗ nào phán với nam giới rằng đó là nghĩa vụ Đức Chúa Trời giao cho họ?

Hoàn toàn không có một mệnh lệnh hay lời tuyên bố nào về nghĩa vụ đó của nam giới trong Sáng Thế Ký 2 hay Sáng Thế Ký 3. Đó là một sự thêm thắt vào Kinh Thánh.

2) Cựu Ước nói chung

Theo các học giả quan điểm bổ sung, Cựu Ước cho thấy Đức Chúa Trời dành riêng sự lãnh đạo cho nam giới. Họ dẫn chứng về các vua nam và các thầy tế lễ nam.

Chúng ta có thể thảo luận tại sao lập luận của họ về các vua và thầy tế lễ là không hợp lệ.

Nhưng điểm quan trọng về Cựu Ước chỉ đơn giản là: sự lãnh đạo thực tế không hề bị dành riêng cho nam giới. Chúng ta đã lưu ý sự tương đồng giữa Ê-đê-ra với Mô-i-se và Sa-mu-ên. Việc Đức Chúa Trời chọn Ê-đê-ra làm người lãnh đạo dân Ngài đứng vững để chống lại ý tưởng cho rằng Đức Chúa Trời dành riêng sự lãnh đạo cho nam giới. Quy tắc đó bị thêm vào Cựu Ước; chứ nó không có ở đó.

Và trong trường hợp có ai đó nêu ra... Thì không—hoàn toàn không có dấu hiệu nào trong văn bản cho thấy việc đẩy lên một nữ lãnh đạo thành công, dưới thời bà đất nước được thanh bình 40 năm, lại là một sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên. Cả Đức Chúa Trời lẫn dân chúng đều không thể hiện bất kỳ sự bảo lưu hay e ngại nào về việc Ê-đê-ra làm người lãnh đạo.

3) Chúa Giê-xu

Chúng ta có thể thảo luận về cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ, và các lý thuyết đối lập về lý do Chúa Giê-xu chọn 12 sứ đồ nam. Nhưng điểm lớn trong các sách Phúc Âm gồm hai thực tế về sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu.

- **Thực tế 1:** Chúa Giê-xu đã cố ý ban cho các môn đồ nhiều điều răn mang tính bền vững, quan trọng cho các thế hệ tương lai. Đại Mạng Lệnh yêu cầu các môn đồ trong tương lai phải làm cho muôn dân trở nên môn đồ, *“dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi”* (Ma-thi-ơ 28:20). Vì vậy, để làm những môn đồ trung tín, chúng ta phải chú ý kỹ đến những gì Chúa Giê-xu đã truyền lệnh.
- **Thực tế 2:** Những điều răn bền vững mà Chúa Giê-xu ban cho bao gồm các điều răn về sự lãnh đạo, về hôn nhân và về sự làm môn đồ. Nhưng Ngài đã cố ý không ban bất kỳ điều răn nào về việc sự lãnh đạo phải độc quyền thuộc về nam giới, dù trong Hội Thánh, trong hôn nhân hay ở bất kỳ nơi nào khác.

Những người theo quan điểm bổ sung tin rằng việc nam giới lãnh đạo là điều quan trọng, ít nhất là trong hôn nhân và trong Hội Thánh. Nhưng có vẻ như Chúa Giê-xu, Đấng Lãnh Đạo và là Chúa của chúng ta, đã không có một niềm tin như vậy. Nếu điều đó quan trọng, Ngài đã dạy rồi. Nhưng Ngài đã không làm.

4) 1 Cô-rinh-tô 7

Chúng ta có thể thảo luận về việc cả chương sách cho thấy quan điểm của Phao-lô về sự bình đẳng hoàn toàn trong mối quan hệ giữa nam và nữ. Nhưng đối với điểm lớn, chúng ta chỉ tập trung vào câu 5, nơi Phao-lô hướng dẫn các cặp vợ chồng Cơ Đốc cách đưa ra quyết định về quan hệ xác thịt và về việc dành thời gian cầu nguyện—đó là bởi sự đồng thuận chung (thỏa thuận).

Những người theo quan điểm bổ sung phải nói rằng hướng dẫn này là một ngoại lệ đặc biệt cho sự lãnh đạo và trách nhiệm ra quyết định của người chồng.

Nhưng ý tưởng về một ngoại lệ đặc biệt hoàn toàn không có lý. Đây là những vấn đề cực kỳ quan trọng—nó là cốt lõi. Quan hệ xác thịt là sự gắn kết thể xác làm cho hôn nhân khác biệt với mọi mối quan hệ khác. Cầu nguyện chung là tâm điểm tâm linh của một cuộc hôn nhân. Nếu các quyết định phải được đưa ra bởi sự đồng thuận chung trong những vấn đề thể xác và tâm linh cốt lõi đó, thì làm sao có thể tranh luận một cách hợp lý rằng người chồng lại là người lãnh đạo và quyết định trong các khía cạnh khác ít quan trọng hơn của mối quan hệ hôn nhân?

Không thể có một câu trả lời thỏa đáng nào được đưa ra.

Năm 1988, lập trường bổ sung đã được hệ thống hóa cẩn thận trong *Tuyên bố Danvers*, được ký bởi nhiều mục sư và nhà thần học nổi tiếng. Nhưng ở điểm này, Tuyên bố Danvers đánh đầu hàng. Nó thậm chí không thừa nhận sự tồn tại của phân đoạn Kinh Thánh quan trọng này.

5) Ê-phê-sô 5 và 1 Phi-e-rơ 3

Có đủ loại điều thú vị mà chúng ta có thể thảo luận trong Ê-phê-sô 5 và 1 Phi-e-rơ 3. Chúng ta có thể thảo luận về các quan điểm đối lập quanh ý nghĩa ẩn dụ “đầu” của Phao-lô trong Ê-phê-sô 5:23. Chúng ta có thể thảo luận về những lời giải thích khác nhau việc Phi-e-rơ nhắc đến Sa-ra gọi Áp-ra-ham là “chúa”, điều mà bà đã nói thầm trong lòng qua một tiếng cười hoài nghi (1 Phi-e-rơ 3:6; Sáng Thế Ký 18:12).

Nhưng điểm lớn không đòi hỏi chúng ta phải xem xét Phao-lô có ý gì khi nói “đầu”, hay giải thích chi tiết lý giải của Phi-e-rơ. Đó là vì điểm lớn không nằm ở những gì Phao-lô và Phi-e-rơ nói; mà nằm ở những gì họ **không nói**.

Chúng ta có thể tìm kiếm khắp Ê-phê-sô 5 và 1 Phi-e-rơ 3 để tìm một chỉ dẫn cho người chồng rằng họ phải cai trị vợ, hoặc lãnh đạo vợ, hoặc thực thi quyền hạn trên vợ, hoặc đưa ra quyết định thay cho vợ. Nhưng chúng ta sẽ không tìm thấy, vì không hề tồn tại những chỉ dẫn như vậy.

Phao-lô bảo người chồng hãy yêu thương vợ mình. Ông nhắc lại điều đó ba lần. Phi-e-rơ bảo người chồng hãy sống tôn trọng, ăn ở có tri thức với vợ. Nhưng không ai trong hai sử đồ trao cho nam giới những chỉ dẫn mà những người theo quan điểm bổ sung gán cho họ.

Tuyên bố Danvers trình bày nghĩa vụ giả định của nam giới trong việc lãnh đạo vợ là rất quan trọng. Nó tuyên bố rằng việc bỏ qua hoặc phủ nhận nghĩa vụ lãnh đạo sẽ dẫn đến những hậu quả tàn phá trong gia đình (*Tuyên bố Danvers, Khẳng định 10*). Nhưng thật

không hợp lệ khi tự bịa ra một điều răn của Đức Chúa Trời rồi nói rằng nam giới phải tuân theo điều đó.

Khi những người theo quan điểm bổ sung nói Đức Chúa Trời đòi hỏi người chồng phải cai trị vợ, lãnh đạo vợ, thực thi quyền hạn trên vợ, hoặc quyết định thay vợ, họ đang thêm truyền thống của loài người vào Lời Đức Chúa Trời.

6) Chức vụ của phụ nữ trong Tân Ước

Khi thảo luận về chức vụ của phụ nữ trong Tân Ước, phương cách chung của các nhà giải nghĩa theo quan điểm bổ sung là hạ thấp hoặc giảm thiểu những gì phụ nữ đã làm.

Có nhiều điều chúng ta có thể thảo luận về sự yếu kém trong cách giải thích của họ. Nhưng điểm lớn rõ ràng nhất là khó khăn mà họ gặp phải trước tấm gương của Bê-rít-xin (Phơ-đi-si-la) dạy dỗ A-pô-lô trong Công Vụ chương 18.

Họ nói:Ồ, đó chỉ là một cuộc trò chuyện riêng tư về thần học giữa những tín hữu ngẫu nhiên. Nhưng nếu chú ý đến bối cảnh, cách giải thích đó không đứng vững.

Nếu bạn đã đọc câu chuyện, bạn sẽ biết điều gì xảy ra. Một đội ngũ mở Hội Thánh gồm ba người đến Ê-phê-sô—Phao-lô, Bê-rít-xin và A-qui-la. Phao-lô chia sẻ tin lành trong nhà nhà hội và nhận được phản hồi tích cực. Họ muốn ông ở lại, nhưng ông quyết định đi tiếp.

Vậy khi đi tiếp, ông để ai ở lại để chăm sóc nhóm tín hữu mới? Phải là Bê-rít-xin và A-qui-la. Họ là hai thành viên còn lại của đội ngũ.

Khi A-pô-lô đến, Bê-rít-xin và A-qui-la nghe ông giảng và lo lắng. Dù là người học rộng và diễn thuyết tài giỏi, A-pô-lô cần hiểu lời Đức Chúa Trời một cách chính xác hơn. Vì vậy Bê-rít-xin và A-qui-la đem ông về nhà và giải thích (dạy) cho ông.

Các nhà giải nghĩa trong những thế kỷ đầu hiểu rất rõ rằng tên của Bê-rít-xin được đặt trước tên chồng bà vì bà là người dạy dỗ chính (ví dụ: Chrysostom, *Bài giảng 30 về Rô-ma; Bài giảng thứ nhất về Bê-rít-xin và A-qui-la*).

Bây giờ, tại sao một A-pô-lô đầy quyền năng lại lắng nghe Bê-rít-xin và A-qui-la hoặc bận tâm đến họ—đặc biệt khi người dạy chính lại là một người phụ nữ? Bởi vì họ là bạn đồng lao của Phao-lô, những người được ông để lại đó để dạy dỗ và chăm sóc các tín hữu mới.

Khi họ sửa dạy A-pô-lô, đó không chỉ là một cuộc trò chuyện riêng giữa những tín hữu ngẫu nhiên. Với tư cách là những thành viên còn lại của đội ngũ chịu trách nhiệm chặn dất các tân tín hữu, họ thực thi thẩm quyền của mình để sửa dạy ông.

Lu-ca đưa câu chuyện này vào để cho thấy Phao-lô đã mở rộng chức vụ của mình thông qua các bạn đồng lao nam và nữ mà ông đã huấn luyện. Nó minh họa cho phương pháp mà Phao-lô mô tả cho Ti-mô-thê trong 2 Ti-mô-thê 2:2: *“Những điều con đã nghe ta nói trước mặt nhiều người chứng, hãy giao lại cho những người trung thành, có khả năng dạy dỗ người khác.”*

7) 1 Cô-rinh-tô 11

1 Cô-rinh-tô 11:2–16 là phân đoạn khó nói về kiểu tóc hoặc việc trùm đầu.

Phao-lô đưa ra một số hướng dẫn chỉnh sửa cho cả nam và nữ khi họ lãnh đạo hội thánh bằng cách nói tiên tri hoặc cầu nguyện lớn tiếng. Người Cô-rinh-tô biết điều gì đang diễn ra

tại Cô-rinh-tô và trong Hội Thánh của họ, nên họ sẽ không thấy các hướng dẫn của ông là khó hiểu. Nhưng đối với chúng ta thì khó hơn. Có rất nhiều tranh luận về bối cảnh.

Những người theo quan điểm bổ sung dùng phân đoạn này trong thần học về "quyền làm đầu" của họ. Họ gán một cách giải thích gây tranh cãi cho hình ảnh "đầu" của Phao-lô ở câu 3, và họ thêm từ vào câu 10 khiến nó nói lên điều ngược lại với những gì bản văn thực sự chép.

Trong cuốn sách mới của tôi, với sự trợ giúp lớn từ Phil Payne, tôi đưa ra một cách đọc mà ở đó mọi thứ rơi vào đúng vị trí của nó, và tôi liệt kê tám điểm mà cách giải thích của quan điểm bổ sung mâu thuẫn với chính lời lẽ của Phao-lô.

Nhưng chúng ta không cần đi sâu vào điều đó ở đây, vì điểm lớn, một lần nữa, rất đơn giản. Dù người ta giải thích phân đoạn này thế nào đi nữa, một thực tế rõ ràng và không thể phủ nhận là trong 1 Cô-rinh-tô 11, Phao-lô **không đặt ra bất kỳ giới hạn nào** đối với phạm vi chức vụ của phụ nữ.

Ông xác nhận phụ nữ nói tiên tri cho cả nam lẫn nữ. Ông xác nhận phụ nữ cầu nguyện lớn tiếng trước mặt cả nam lẫn nữ. Ông không cấm phụ nữ giảng luận, hoặc dạy dỗ nam giới, hoặc chần dốt/lãnh đạo một Hội Thánh, hoặc bất kỳ hoạt động chức vụ nào khác.

Các hạn chế của quan điểm bổ sung đối với chức vụ của phụ nữ hoàn toàn vắng bóng trong phân đoạn này.

8) 1 Cô-rinh-tô 14:34–35

Các câu này nói ba lần, theo ba cách khác nhau, rằng phụ nữ trong Hội Thánh phải hoàn toàn giữ im lặng.

Dưới đây là nội dung các câu 34–35:

1. *Phụ nữ phải giữ im lặng trong các Hội Thánh.*
2. *Họ không được phép nói, nhưng phải phục tùng, như luật pháp cũng dạy.*
3. *Nếu muốn học hỏi điều gì, họ phải hỏi chồng mình ở nhà; vì thật hổ e cho người phụ nữ khi nói năng trong Hội Thánh.*

(Dĩ nhiên, "Hội Thánh" ở đây không có nghĩa là một tòa nhà; đó là nhóm họp của những người theo Chúa Giê-xu).

Đặc điểm đáng chú ý nhất của những lời này là chúng **không phải là quan điểm của chính Phao-lô**.

Phao-lô đã dạy trong các chương 11, 12, 13 và 14 về cách điều chỉnh sự đóng góp bằng lời nói của nam và nữ trong Hội Thánh nhóm họp, phù hợp với các ân tứ thuộc linh của họ, để sự đóng góp ấy tôn nghiêm, yêu thương và trật tự. Phụ nữ không thể đóng góp bằng lời nói theo ân tứ của họ nếu họ không được phép nói!

Hầu hết các nhà giải nghĩa theo quan điểm bổ sung đều cởi mở chấp nhận rằng Phao-lô không thể có ý nói điều mà các câu này thực sự chép: rằng phụ nữ trong Hội Thánh phải giữ im lặng và không được nói.

Lý thuyết hàng đầu của quan điểm bổ sung là Phao-lô ở đây chỉ có ý cấm một loại lời nói cụ thể của phụ nữ—đó là việc đánh giá hay phân định các lời tiên tri, điều mà họ nói rằng sẽ mâu thuẫn với "quyền làm đầu của nam giới". Nhưng lý thuyết đó không đứng vững. Nó xung đột với các từ ngữ rõ ràng, vốn mang tính nhấn mạnh và không có điều kiện kèm theo.

Nếu lý thuyết "cấm đánh giá lời tiên tri" là đúng:

- Phao-lô đã làm người nghe hiểu lầm khi tuyên bố rõ ràng một lệnh cấm tuyệt đối đối với mọi hình thức phát biểu của phụ nữ, trong khi giả định rằng ông chỉ muốn cấm phụ nữ đánh giá lời tiên tri.
- Ông càng làm họ hiểu lầm hơn khi nhắc lại lệnh cấm tuyệt đối đó ba lần để nhấn mạnh tối đa.
- Ông làm họ hiểu lầm khi nói rõ rằng lệnh cấm phát biểu áp dụng khi phụ nữ ở trong Hội Thánh, dù giả định rằng ông chỉ muốn áp dụng khi lời tiên tri đang được đánh giá.
- Ông đưa vào một ví dụ cụ thể duy nhất mang tính vô lý cho việc áp dụng lệnh cấm: việc đặt câu hỏi xuất phát từ mong muốn học hỏi, vốn là một hoạt động hoàn toàn khác với việc đánh giá lời tiên tri.
- Ông mâu thuẫn với điều ông vừa nói ở câu 29 về việc ai nên đánh giá lời tiên tri. Ở câu 29, ông nói "*những người khác*" nên suy xét điều được nói—nghĩa là các tiên tri khác. "*Những người khác*" ấy bao gồm cả nam và nữ.
- Thật vậy, ông mâu thuẫn với toàn bộ trọng tâm sự dạy dỗ của ông từ chương 11 đến 14, đó là mọi chi tộc/thành viên đều nên đóng góp trong Hội Thánh theo ân tứ thuộc linh của mình—nghĩa là phụ nữ có ân tứ phát biểu nên sử dụng chúng, chứ không nên giữ im lặng.

Quy tắc phụ nữ không được đánh giá lời tiên tri không hề có trong bản văn.

Đây là điểm lớn: nhìn vào những gì hai câu đó nói một cách rõ ràng, chúng ta có thể tin chắc rằng hai câu đó không trình bày quan điểm của chính Phao-lô.

Chỉ có hai khả năng thực tế để hiểu điều gì đang diễn ra ở đây:

1. Khả năng thực tế thứ nhất là ông đang trích dẫn một nhóm đối tượng cụ thể, để rồi phản bác họ trong những gì ông nói tiếp theo (ở các câu 36 đến 40).
2. Khả năng thực tế thứ hai là hai câu này là một sự thêm vào sau này, xảy ra vì một lời ghi chú bên lề trong một bản sao sớm đã bị chép lẫn vào phần bản văn chính khi thư tín được sao chép lại. Có những ví dụ khác về điều đó xảy ra trong các bản thảo Tân Ước.

Bởi vì các đặc điểm cụ thể của bằng chứng bản thảo cần phải được giải thích, tôi tin rằng lý thuyết thứ hai có lẽ là đúng—lý thuyết về sự thêm vào sau này.

Tuyên bố Danvers đã khôn ngoan khi không đặt niềm tin vào hai câu này. Đó là một sự thận trọng khôn ngoan, vì chưa ai tìm thấy một cách đọc thỏa đáng nào coi chúng là lời trình bày quan điểm của chính Phao-lô. Đó là vì những câu ấy không nói lên quan điểm của chính Phao-lô.

9) 1 Ti-mô-thê 2

Trong 1 Ti-mô-thê, Phao-lô viết cho Ti-mô-thê tại Ê-phê-sô, với những chỉ dẫn về việc đối phó với tà giáo và những hậu quả của nó.

Bản dịch tiếng Anh yêu thích của những người theo quan điểm bổ sung là ESV. Trong bản ESV (cũng như các bản dịch Việt ngữ truyền thống), 1 Ti-mô-thê 2:12 chép:

"Ta không cho phép người đàn bà dạy dỗ, hoặc cướp quyền trên đàn ông; nhưng phải ở yên lặng."

Câu này cực kỳ quan trọng trong tư duy bổ sung, vì nó bào chữa cho các hạn chế chung đối với chức vụ của phụ nữ.

Hai câu tiếp theo—câu 13 và 14—nhắc đến A-đam và Ê-va. Các cách giải thích theo quan điểm bổ sung về câu 12 hiểu Phao-lô đang đưa ra một quy tắc hành vi chung—một quy tắc dựa trên ý muốn của Đức Chúa Trời như đã được bày tỏ trong Sáng Thế Ký, qua câu chuyện về A-đam và Ê-va. Họ tin Phao-lô đang tham chiếu đến một nguyên tắc sáng tạo về quyền hạn của nam trên nữ.

Có một cuộc tranh luận quan trọng về việc liệu Phao-lô có thực sự tham chiếu đến một nguyên tắc sáng tạo ở đây hay không, hay trên thực tế, ông nhắc đến câu chuyện A-đam và Ê-va để thúc giục Ti-mô-thê dùng nó như một minh họa về mối nguy hiểm của một người phụ nữ bị lừa dối lại đi dạy dỗ người nam.

Cũng có một cuộc tranh luận quan trọng về việc liệu “cướp quyền/áp đảo” (*exercise authority*) có phải là một bản dịch chính xác hay không. Theo quan điểm của tôi, một bản dịch tốt hơn sẽ là “áp đảo” hoặc “chế ngự” (*overpower / overmaster*).

Cũng có cuộc tranh luận quan trọng về từ số ít “người đàn bà/người nữ” ở câu 11 và 12. Đây là một cá nhân cụ thể tại Ê-phê-sô mà Phao-lô không muốn nêu tên, hay ông đang đưa ra một tuyên bố chung? Nếu ông đưa ra một tuyên bố chung, thì những người phụ nữ hợp thành nhóm đó là ai? Đó là tất cả phụ nữ, hay là một số phụ nữ giàu có cụ thể mà ông vừa nói đến ở câu 9 và 10?

Cũng có cuộc tranh luận quan trọng về lý do tại sao từ “đàn ông/người nam” lại ở dạng số ít trong câu 12. Những người theo quan điểm bổ sung nói rằng phụ nữ dạy một người nam thì không sao, như Bê-rít-xin đã làm, nhưng phụ nữ không nên dạy các nhóm nam giới—điều này không phải là những gì Phao-lô nói.

Nhưng đối với mục đích hiện tại, điểm lớn của chúng ta nằm ở cụm từ ngắn trong câu 12: **“Ta không cho phép”**.

Trong tiếng Hy Lạp, đó chỉ là hai từ: *ouk epitrepō*, có thể dịch là “Ta không cho phép” (*I do not permit*) hoặc “Ta hiện không cho phép” (*I am not permitting*), tùy thuộc vào bối cảnh.

Tôi nghĩ “Ta hiện không cho phép” phù hợp với bối cảnh hơn, nhưng hãy cứ giữ với cụm từ “Ta không cho phép”.

Cụm từ nhỏ này, “Ta không cho phép” hay *ouk epitrepō*, dựng lên một vật cản không thể vượt qua đối với cách giải thích của quan điểm bổ sung. Đó là vì cụm từ của Phao-lô là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy ông **không** tuyên bố một quy tắc chung dựa trên sự vâng phục ý muốn đã được bày tỏ của Đức Chúa Trời.

Xin để tôi giải thích.

Theo thần học bổ sung về quyền làm đầu của nam giới, Phao-lô đang nói rằng việc phụ nữ thực thi quyền hạn trên nam giới là sai (câu 12) vì Đức Chúa Trời đã dựng nên A-đam trước Ê-va (câu 13), và thứ tự sáng tạo này được coi là hàm ý rằng, theo thiết kế của Đức Chúa Trời, việc phụ nữ có quyền hạn trên nam giới là sai. Từ đó suy ra rằng vi phạm thiết kế sáng tạo của Đức Chúa Trời về quyền hạn nam-trên-nữ là không vâng phục ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời dành cho nam và nữ.

Không vâng phục ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời là tội lỗi. Cố tình làm vậy là sự phản nghịch chống lại Đức Chúa Trời. Theo đó, Tuyên bố Danvers nói rằng việc phụ nữ “chống lại những giới hạn đối với vai trò của họ” là có tội (*Tuyên bố Danvers, Khẳng định 4*).

Nhưng nếu Phao-lô đang nói về một điều gì đó mang tính không vâng phục đầy tội lỗi đối với ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời, thì làm sao chúng ta giải thích được cách lựa chọn từ ngữ của Phao-lô? Phao-lô không thể ban cho hoặc rút lại sự cho phép để phạm tội, hay để không vâng phục Đức Chúa Trời, hay để phản nghịch. Bản chất của quy tắc, mà những người theo quan điểm bổ sung nói Phao-lô đang tuyên bố, hoàn toàn không nhất quán với việc Phao-lô chọn từ “Ta không cho phép” hay *ouk epitrepō*.

Hãy tưởng tượng bạn là một nhà lãnh đạo Cơ Đốc nổi tiếng, giảng dạy—chẳng hạn—về sự thánh sạch của mạng sống con người và tính chất tội lỗi của hành vi sát nhân, và trích dẫn sự dạy dỗ của bạn từ sách Sáng Thế Ký vì con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, như chép trong Sáng Thế Ký 1:26–27, 5:3, và 9:6. Bạn có thể nghiêm túc tưởng tượng mình nói hoặc viết: “Tôi không cho phép giết người, vì Đức Chúa Trời đã dựng nên con người theo hình ảnh Ngài” không?

Thật khó để tưởng tượng ngay cả Giáo hoàng nói theo cách như vậy. Đó là vì đó không phải là quyết định của bạn (hay của Giáo hoàng) về việc giết người là đúng hay sai, và không phụ thuộc vào bạn (hay Giáo hoàng) để cho phép hay không cho phép nó. Giết người là đi ngược lại ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời dành cho con người. Không vâng phục ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời là tội lỗi.

Nếu vì lý do nào đó bạn quyết tâm dùng từ “cho phép” để thể hiện lệnh cấm, bạn sẽ truyền đạt rằng đó là một quy tắc chung bằng cách phi cá nhân hóa nó, như trong “Lời Đức Chúa Trời không cho phép giết người” hoặc “Không được phép giết người”.

Ví dụ về việc giết người là phù hợp vì có sự kết nối với Sáng Thế Ký. Dĩ nhiên, giết người là một trường hợp cực đoan. Nhưng dù một tội lỗi chống lại ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời là lớn hay nhỏ, thì bản chất vấn đề vẫn giống nhau.

Tôi thừa nhận rằng Phao-lô đang viết thư tín với tư cách là một sứ đồ, thực thi thẩm quyền thuộc linh của mình trên một Hội Thánh mà chính ông đã gây dựng. Nhưng ngay cả như vậy, nếu Phao-lô có ý bày tỏ một lệnh cấm dựa trên sự sáng tạo, phản ánh ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời cho nam và nữ—mà việc không vâng phục là có tội và phản nghịch—thì ngôn từ cá nhân rút lại sự cho phép của ông là hết sức kỳ quặc. Thật vậy, nó không phù hợp đến mức thật khó tìm được từ ngữ nào diễn tả hết sự kỳ quặc của nó.

Với tư cách là một mục sư, bạn sẽ không nói với bầy cừu của mình: “Tôi không cho phép anh chị phạm tội tà dâm” hay “Tôi không cho phép anh chị trộm cắp”.

Kinh Thánh là một thư viện sách lớn, và nó chứa đựng nhiều quy tắc hành vi chung, nhưng—không có gì ngạc nhiên—không có nơi nào trong Kinh Thánh, từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền, có ai đó tuyên bố một lệnh cấm chung đối với một hành vi sai trái bằng cụm từ ‘Ta không cho phép’ hoặc ‘Ta hiện không cho phép’. Điều này hoàn toàn chưa từng có tiền lệ.

Các học giả theo quan điểm bổ sung nói gì để trả lời cho sự phản bác căn bản này? Họ giải thích thế nào về một sự lựa chọn từ ngữ chưa từng có tiền lệ và không phù hợp như vậy cho một lệnh cấm được cho là mang tính tổng quát dựa trên thiết kế sáng tạo của Đức Chúa Trời dành cho nam và nữ?

Tôi đã khảo sát các bài viết của các học giả theo quan điểm bổ sung, và các video của Mike Winger, và tôi không thể tìm thấy câu trả lời. (Xem ghi chú cuối bài).

Cách giải thích của quan điểm bổ sung không phù hợp với lời lẽ của Phao-lô.

Lời giải thích tự nhiên cho sự lựa chọn từ ngữ của Phao-lô là ông **không** đưa ra một quy tắc hành vi chung, một lệnh cấm chung; thay vào đó, ông đang áp đặt một sự hạn chế trên một nhóm phụ nữ cụ thể bị lừa dối, để giới hạn tác động của các giáo lý giả.

Như Tim Mascara đã diễn đạt, 1 Ti-mô-thê 2 không phải là một bản thiết kế (*blueprint*); đó là một băng gạc vết thương (*bandage*).

10) 1 Ti-mô-thê 3 và Tít 1

Phao-lô cung cấp các danh sách tiêu chuẩn cho chức danh trưởng lão (giám mục/mục sư) trong 1 Ti-mô-thê 3:1–7 và Tít 1:5–9.

Một số học giả theo quan điểm bổ sung có uy tín thừa nhận rằng các danh sách này không loại trừ phụ nữ một cách rõ ràng. Nhưng những người khác lại tranh luận rằng các danh sách này loại trừ phụ nữ vì Phao-lô đưa vào danh sách một cụm từ có thể dịch theo nghĩa đen là “người đàn ông một vợ” (*a one-woman man*). Cụm từ đó được tìm thấy trong 1 Ti-mô-thê 3:2 và Tít 1:6. Cụm từ này được dịch đa dạng là “chồng của một vợ”, “trung thành với vợ”, “chỉ kết hôn một lần”, “trung thành với phối ngẫu”.

Danh sách trong 1 Ti-mô-thê 3 tiếp tục đề cập đến gia đình của ứng viên, và cả hai danh sách đều đề cập đến con cái của ứng viên.

Có một cuộc thảo luận quan trọng cần có về việc liệu Phao-lô có đang dùng ngôn ngữ nam giới mang tính chung (*generic*) trong 1 Ti-mô-thê 3:2 và Tít 1:6 để chỉ các phẩm chất áp dụng cho cả nam và nữ hay không.

Chúng ta cũng có thể thảo luận về các phương án dịch cho từ mở đầu các danh sách—*dei*—có thể có nghĩa là “cần phải” hoặc “là thích hợp”.

Và có một cuộc thảo luận quan trọng về bối cảnh thực tế: nếu đã có những ngoại lệ đối với sự lãnh đạo của nam giới trong Cựu Ước, và nếu đã có những ngoại lệ trong xã hội rộng lớn hơn, và nếu thái độ của Chúa Giê-xu và các sứ đồ đối với phụ nữ là tích cực hơn văn hóa đương thời, và nếu phụ nữ đã nhận lãnh cũng như thi hành các ân tứ của Thánh Linh, và nếu có những phụ nữ nổi bật trong các Hội Thánh như Bê-rít-xin, Giu-nia, Ly-đi, Niêm-pha, Phê-bê, v.v., thì—nếu muốn có một quy tắc rằng chức vụ trưởng lão trong các Hội Thánh bị cấm đối với tất cả phụ nữ—điều đó cần phải được tuyên bố cực kỳ rõ ràng, để không thể có bất kỳ sự nghi ngờ nào.

Nhưng đây là điểm lớn của chúng ta. Câu hỏi then chốt là: Phao-lô đang đưa ra các gợi ý về những ứng viên thích hợp để Ti-mô-thê và Tít xem xét, hay ông đang đặt ra các tiêu chuẩn bắt buộc tối cần thiết trong mọi trường hợp để một người được coi là đủ điều kiện làm trưởng lão trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời? Điểm lớn của chúng ta là: thật vô lý khi đọc các danh sách này như những danh sách tiêu chuẩn bắt buộc.

Hãy nhớ rằng trong 1 Cô-rinh-tô 7 Phao-lô đã viết về những lợi thế của sự độc thân trong việc làm công việc Chúa. Kết quả của cách đọc “tiêu chuẩn bắt buộc” sẽ là chính Phao-lô cũng bị coi là không đủ điều kiện làm trưởng lão Hội Thánh địa phương, vì ông không có vợ, không có gia đình, và không có con cái. Và điều tương tự cũng sẽ áp dụng cho chính Chúa Giê-xu, Đấng không có vợ, không có gia đình riêng, hay con cái. Đó sẽ là một kết luận vô lý.

Các danh sách này không phải là những yêu cầu bắt buộc chung; chúng là những chỉ dấu về các ứng viên có triển vọng, phù hợp với hoàn cảnh.

Cách đọc của chúng ta về các danh sách này như những chỉ dấu phù hợp với hoàn cảnh được xác nhận bởi sự khác biệt giữa hai danh sách. Ví dụ, Hội Thánh tại Ê-phê-sô đã được

thành lập lâu năm, nên Phao-lô có thể nói trong 1 Ti-mô-thê 3:6 rằng ứng viên không nên là người mới tin Chúa. Nhưng các Hội Thánh ở Cô-rét, nơi Tít cần bổ nhiệm các trưởng lão, lại là những Hội Thánh mới, nên không có yêu cầu như vậy trong thư Phao-lô gửi cho Tít, vì điều đó sẽ ngăn cản bất kỳ sự bổ nhiệm nào.

HAI ĐIỂM QUAN TRỌNG NHẤT

Bây giờ, từ những gì chúng ta đã trang bị, hãy chọn ra hai điểm quan trọng nhất.

Sự lựa chọn hai điểm quan trọng nhất của chúng ta xuất phát từ chính những gì những người theo quan điểm bổ sung coi là trung tâm trong lập trường của họ.

Không nghi ngờ gì nữa, bản văn quan trọng nhất đối với các hạn chế của quan điểm bổ sung đối với chức vụ của phụ nữ là 1 Ti-mô-thê 2:12. Tầm quan trọng trung tâm của nó thường được nhấn mạnh, cả bởi các học giả lẫn các giáo sư phổ thông. Chẳng hạn, trong *Recovering Biblical Manhood and Womanhood*, George Knight nói rằng câu 12 là “tuyên bố rõ ràng nhất” “khẳng định nam giới là những người lãnh đạo chính trong Hội Thánh” (bản in 1991, trang 359). Mike Winger trong loạt video *Phụ nữ trong chức vụ* nói 1 Ti-mô-thê 2 là phân đoạn “rõ ràng nhất” hạn chế sự lãnh đạo của phụ nữ trong Hội Thánh.

Vì vậy, tôi thấy khá kinh ngạc khi các cây bút và diễn giả theo quan điểm bổ sung không có câu trả lời cho điểm lớn của chúng ta ở câu 12: vấn đề là **“Ta không cho phép”** không phải là cách để mở đầu một quy tắc hành vi chung vốn được cho là phản ánh ý muốn đã bày tỏ của Đức Chúa Trời—một quy tắc chung mà việc không vâng phục sẽ là phạm tội.

Nếu đây là một quy tắc chung từ Đức Chúa Trời, thì chính Đức Chúa Trời mới là Đấng không cho phép phụ nữ dạy dỗ hay có quyền hạn trên nam giới—không phải Phao-lô!

Những người theo quan điểm bổ sung khẳng định rằng đây là loại quy tắc chúng ta có ở đây—một quy tắc chung do Đức Chúa Trời đưa ra. Nhưng khi đó, việc Phao-lô nói “Ta không cho phép” lại chẳng có ý nghĩa gì. Làm sao đây có thể là quyết định chính sách của Phao-lô, nếu đó là quy tắc của Đức Chúa Trời?

Những người theo quan điểm bổ sung coi quy tắc giả định này trong 1 Ti-mô-thê 2:12, vốn hạn chế sự dạy dỗ và quyền hạn của phụ nữ, là một sự mở rộng từ một quy tắc cơ bản hơn về quyền hạn nam-trên-nữ. Bởi vì A-đam được dựng nên trước, nên bằng cách nào đó suy ra rằng nam giới có trách nhiệm thực thi quyền hạn trên vợ mình và trên phụ nữ. Điểm thứ hai trong hai điểm quan trọng nhất của chúng ta là điểm cốt yếu nhất trong tất cả, bởi vì nó chạm đến tận gốc rễ của quy tắc cơ bản này.

Điểm quan trọng nhất của chúng ta là sự vắng mặt hoàn toàn trong Kinh Thánh của bất kỳ sự dạy dỗ kính sợ Chúa nào, hướng đến nam giới, nói rằng cai trị/lãnh đạo phụ nữ là điều nam giới phải làm.

John Piper là một trong những kiến trúc sư chính của quan điểm bổ sung, bên cạnh Wayne Grudem. Ông tin rằng Tuyên bố Danvers mang tính “tiên tri” và nó “đối diện với những người đàn ông không sẵn lòng lãnh đạo vợ mình” (Piper, *The Current State of Complementarity*, website *Desiring God*, 2022). Theo Piper, nếu một người chồng không cung cấp sự lãnh đạo thuộc linh cho vợ mình, thì đây là “một tội lỗi tàn phá” (*Recovering Biblical Manhood and Womanhood*, bản in 1991, trang 44).

Nhưng nếu việc bỏ qua nghĩa vụ giả định của nam giới trong việc lãnh đạo vợ hoặc phụ nữ là một tội lỗi tàn phá, thì tại sao từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền không có tiên tri hay người dạy dỗ nào chỉ dẫn rõ ràng cho nam giới rằng họ có một nghĩa vụ như vậy?

Phao-lô không nói điều đó. Phi-e-rơ không nói điều đó. Chúa Giê-xu không nói điều đó. Đức Chúa Trời không nói điều đó.

MỘT TÍN HIỆU CẢNH BÁO (RED FLAG)

Để kết thúc, tôi muốn đề cập đến một điều mà tôi đưa ra trong cuốn sách *True Complementarity: The way of Christ for men and women*.

Hãy tự nhắc nhở mình rằng có một nơi trong Kinh Thánh có người đưa ra mệnh lệnh rằng nam giới phải cai trị phụ nữ. Đó là trong sách Ê-xơ-tê, và nó **không** được đưa ra bởi Đức Chúa Trời thật hay đại diện cho Ngài.

Nó xuất phát từ những “triết sĩ/mã tri” vô thần ngoại giáo. Mệnh lệnh được ban ra bởi một vị vua ngoại giáo nổi giận và đầy lòng vị kỷ. Hoàng hậu của ông đã dũng cảm từ chối mệnh lệnh say xỉn của ông rằng bà phải bị đối xử như một đồ vật bị đem ra trưng bày tại yến tiệc nhà nước, để những khách khứa say xỉn của ông ngắm nghía.

Trong Ê-xơ-tê 1:22, mệnh lệnh của Vua A-ha-suê-rôt (Xerxes) là mọi người đàn ông phải làm chủ (cai trị) nhà mình, có nghĩa cụ thể là mọi người đàn ông phải cai trị vợ mình (xem các câu 16–20).

Sau khi cơn giận của vua nguôi đi, ông lao vào một hình thức săn mồi tình dục có tổ chức. Những trinh nữ có vẻ ngoài hấp dẫn bị bắt về cho ông từ mọi tỉnh trong đế quốc của ông. Rồi mỗi đêm ông cưỡng đoạt một người nữ trẻ, một trinh nữ, người mà sau đó ông sẽ bỏ rơi vào phân khu hàng đã qua sử dụng trong hậu cung của mình—không bao giờ được nhìn thấy nữa trừ khi được gọi đến (Ê-xơ-tê 2).

Đó là người đàn ông đã đưa ra mệnh lệnh này. Một kẻ ngoại giáo, một kẻ cưỡng dâm hàng loạt, một kẻ săn mồi tình dục ghê tởm, là người duy nhất trong Kinh Thánh ra lệnh cho nam giới thực thi quyền hạn trên phụ nữ.

Thật khó để tưởng tượng một tín hiệu cảnh báo nào rõ ràng hơn.

Sự lạm dụng dê hèn của ông về quyền lực nam giới là một sự xác nhận cay đắng cho lời cảnh báo của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 3:16. Sự cai trị của nam giới trên phụ nữ là kết quả của sự bất tuân của con người. Đó không phải là điều răn từ Đức Chúa Trời dành cho nam giới.

TÌM HIỂU THÊM

- Để biết thêm về quan điểm đa số truyền thống về sự thấp kém của phụ nữ, và sự bác bỏ quan điểm đó, xem *True Complementarity: The way of Christ for men and women* (Apollos, 2026), chương 2.
- Để biết thêm về khái niệm “vai trò” (*roles*) của quan điểm bổ sung, xem chương 7.
- Để biết thêm về Sáng Thế Ký 2 và 3, xem chương 5 và 6.
- Để biết thêm về phụ nữ trong Cựu Ước, xem chương 7 và 8.
- Để biết thêm về Chúa Giê-xu, Mười Hai sứ đồ và các sách Phúc Âm, xem chương 3 và 4.
- Để biết thêm về 1 Cô-rinh-tô 7, xem chương 9.
- Để biết thêm về Ê-phê-sô 5, xem chương 10 và 11.
- Để biết thêm về 1 Phi-e-rơ, xem chương 12.
- Để biết thêm về các chức vụ của phụ nữ trong Tân Ước, xem từ chương 13 đến 17.
- Để biết thêm về 1 Cô-rinh-tô 11:2–16, xem từ chương 18 đến 20.
- Để biết thêm về 1 Cô-rinh-tô 14:34–35, xem chương 21 và 22.
- Để biết thêm về 1 Ti-mô-thê 2, xem từ chương 23 đến 29.

- Để biết thêm về các tiêu chuẩn trưởng lão trong 1 Ti-mô-thê 3 và Tít 1, xem chương 30.
- Nếu bạn lo lắng về tác động của văn hóa đối với việc giải nghĩa Kinh Thánh, và về “độ dốc trơn trượt” (*slippery slopes* - nơi một sự thay đổi quan điểm này dẫn đến sự thay đổi khác), xem chương 31.

GHI CHÚ:

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI:

Hãy gửi cho chúng tôi các câu hỏi và lời nhận xét của bạn qua phiếu liên hệ.

¹ Về sự thiếu vắng lời giải thích, xem Hurley, *Man and Woman in Biblical Perspective* 1981: 200–2; *Recovering Biblical Manhood and Womanhood* 1991: 180–1 (Moo); Knight, *The Pastoral Epistles* 1992: 140; Mounce, *Pastoral Epistles* 2000: 120–3; Grudem, *Evangelical Feminism and Biblical Truth* 2004: 65–9, 299–302; Blomberg, *Two Views on Women in Ministry* 2005: 168; Sandom, *Different by Design* 2012: 154–60; Köstenberger và Köstenberger, *God’s Design for Man and Woman* 2014: 205–12; *Women in The Church* ấn bản 3: 155–61 (Köstenberger), 188–90 (Schreiner); Smith, *God’s Good Design* 2019: ch. 2; Grudem, *Systematic Theology* ấn bản 2 2020: 1152, 1161; DeYoung, *Men and Women in the Church* 2021: 79–80; Kuruvilla, *1 and 2 Timothy, Titus* 2021: phần 4.2.1–2.

Yarbrough (*The Letters to Timothy and Titus* 2018: 175) dù không trực tiếp giải quyết khó khăn này, nói rằng cụm từ quản trị của Phao-lô là “một cách khéo léo để nhắc nhở Ti-mô-thê về sự phân công lao động diễn ra trong bối cảnh thờ phượng của hội chúng”. Nhưng điều này không thuyết phục. Nếu thực hành tiêu chuẩn của Phao-lô là cấm sự dạy dỗ của phụ nữ, thì sẽ chẳng có sự tế nhị nào trong việc nhắc nhở Ti-mô-thê về điều đó. Để so sánh, thực hành tiêu chuẩn của ông là lên án sự dâm dục, nhưng người ta không thể nghiêm túc tưởng tượng ông viết cho Ti-mô-thê một cách tế nhị: “Ta không cho phép dâm dục.” Hơn nữa, trong thư này, sự tế nhị của Phao-lô nằm ở chỗ không nêu tên những người phụ nữ giàu có cư xử không đúng đắn, trong khi ông liên tục rất trực tiếp đối với Ti-mô-thê (xem 1:3, 18–19; 3:15; 4:6–7, 11–16; 5:1, 21–23; 6:2, 11–14, 20–21).

Trong chú thích 309, Yarbrough đưa ra hai tham chiếu nơi “cho phép” được sử dụng, và những tham chiếu này nhấn mạnh thêm khó khăn: (1) trong 1 Cô. 14:34, “không được phép” là dạng bị động ngôi thứ ba, vốn thích hợp để tuyên bố một quy tắc chung do một cơ quan có thẩm quyền đặt ra, không giống như “Ta không cho phép”; (2) trong 1 Cô. 16:7 Phao-lô nói ông hy vọng sẽ thăm người Cô-rinh-tô vào một thời điểm nào đó “nếu Chúa cho phép”—điều mà Chúa có thể làm vào thời điểm này chứ không phải thời điểm khác.

Tôi đã nêu lên vấn đề “Ta không cho phép” này trong Bartlett, *Men and Women in Christ: Fresh Light from the Biblical Texts* 2019: 220. Theo như tôi biết, chưa có người theo quan điểm bổ sung nào đi kèm sách hoặc tương tác với sách của tôi đưa ra được câu trả lời.

Ai đó có thể chỉ ra cách người Pha-ri-si nói trong Mác 10:4 (“Môi-se cho phép viết tờ ly dị”) và Chúa Giê-xu trong Ma-thi-ơ 19:8 (“vì lòng anh em cứng cỏi nên Môi-se cho phép anh em ly dị vợ”). Sự tham chiếu này là hiệu lực của quy định trong luật Môi-se ở Phục truyền 24:1–4 vốn cấm một người đàn ông ly dị vợ được tái hôn với bà sau đó; điều này hàm ý rằng việc ly dị đã được dung thứ, và Chúa Giê-xu nói rõ lý do tại sao lại như vậy. Nhưng ở đây “Môi-se” là một cụm từ viết tắt có nghĩa là “luật pháp Môi-se”, và các bản văn này không dùng ngôi thứ nhất (“Ta cho phép”). Thật vậy, luật pháp của Môi-se không có nơi nào nói “Ta cho phép” hay “Ta không cho phép”, và ngay cả chính Chúa Giê-xu cũng không bao giờ dùng bất kỳ biểu đạt nào như vậy khi tuyên bố một quy định hành vi.